

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-PT

Ngày 21-8-2023

V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi

Các Thẩm phán: Ông Lê Hữu Nam

Ông Trần Ngọc Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham dự phiên tòa: Ông Võ Văn Bằng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2023/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 31/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 115/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng N, sinh năm 1971; địa chỉ: Số nhà C đường L, tổ dân phố L, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà C đường L, tổ dân phố L, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn anh Hoàng N trình bày: Anh Hoàng N và chị Huỳnh Thị H có tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn ngày 16/3/1999 tại UBND xã L (nay là thị trấn L), huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian 20 năm, sau đó giữa anh N và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 3/2019, chị H đã bỏ đi khỏi gia đình một thời gian, sau đó đã về lại chung sống vợ chồng. Đến tháng 9/2019, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn thì chị H bỏ đi, thỉnh thoảng mới về thăm con cái. Từ đó cho đến nay, anh N và chị H sống ly thân, không còn quan tâm gì nhau,

cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay anh [N](#) không còn tình cảm vợ chồng với chị [H](#) nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị [Huỳnh Thị H](#).

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh [Hoàng N](#) trình bày vợ chồng có 05 người con chung, trong đó có 04 người con là [Hoàng Văn H1](#), sinh năm 1997, [Hoàng Văn H2](#), sinh năm 2001, [Hoàng Thị Linh A](#), sinh năm 2002 và [Hoàng Thị Linh Á](#), sinh năm 2002 đã trên 18 tuổi, đủ điều kiện lao động nên anh [N](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với người con chung chưa thành niên là [Hoàng Anh T](#), sinh ngày 18/5/2010, anh [N](#) yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu chị [H](#) cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh [Hoàng N](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn, chị [Huỳnh Thị H](#) trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị [Huỳnh Thị H](#) và anh [Hoàng N](#) tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/1999, tại [UBND xã L](#) (nay là [thị trấn L](#)), [huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế](#). Vợ chồng sống có hạnh phúc được thời gian ngắn vì sau khi kết hôn giữa chị và anh [N](#) đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Từ tháng 3/2019, chị [H](#) và anh [N](#) sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chị [H](#) không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con cái.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, chị [H](#) đồng ý ly hôn vì anh [Hoàng N](#) có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, có tính gia trưởng, những lúc mâu thuẫn thì anh [N](#) thường xuyên đánh đập chị [H](#). Do đó, để tránh việc anh [N](#) đánh đập nên chị phải bỏ đi khỏi nhà; mặt khác hiện chị [H](#) buôn bán tại Cây xăng số 17, thuộc [xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế](#) nên đôi khi làm cả đêm. Vì thế, thời gian đi lại thăm con cái có hạn chế chứ không phải chị là người thiếu trách nhiệm với con cái và gia đình.

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị [H](#) trình bày vợ chồng có 05 người con chung như anh [Hoàng N](#) đã trình bày nêu trên là đúng. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, do chị mong muốn đoàn tụ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con. Tại phiên tòa chị [H3](#) đề nghị được nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên là [Hoàng Anh T](#) cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh [Hoàng N](#) phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị [H](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị [H](#) yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tài sản chung gồm nhà, đất.

Tại bản án HNGĐ sơ thẩm số 31/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh [Hoàng N](#); anh [Hoàng N](#) được ly hôn chị [Huỳnh Thị H](#).

2. Về con chung: Giao người con chung là [Hoàng Anh T](#), sinh ngày 18/5/2010 cho anh [Hoàng N](#) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị [Huỳnh Thị H](#) không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị [Huỳnh Thị H](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định pháp luật; không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/3/2023, chị [Huỳnh Thị H](#) có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông [Hoàng N](#); Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, nếu ly hôn, chị [Huỳnh Thị H](#) yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu [Hoàng Anh T](#), sinh ngày 18/5/2010 cho chị [H](#) chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh [Hoàng N](#) cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản, nếu ly hôn chị [H](#) yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất tại [C đường L, tổ dân phố L, T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế](#).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo, các bên đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đề nghị: Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị [Huỳnh Thị H](#) và anh [Hoàng N](#) tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/1999, tại [UBND xã L](#) (nay là [thị trấn L](#)), [huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế](#). Quá trình chung sống, hai vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xúc phạm, xâu ảu nhau, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân rồi quay lại tiếp tục chung sống với nhau nhưng vẫn không có hạnh phúc do bất đồng

quan điểm sống cũng như tình cảm vợ chồng không còn vì thế mà anh [N](#) xin ly hôn chị [H](#) và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Xét kháng cáo của chị [Huỳnh Thi H](#) đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh [Hoàng N](#), Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, chị [H](#) và anh [N](#) cùng thừa nhận hai người không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tại phiên tòa sơ thẩm chị [H](#) xác nhận vợ chồng không còn tình cảm nên cũng đồng ý ly hôn. Nay, chị [H](#) lại đề nghị không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh [N](#) nhưng không đưa ra được một giải pháp nào để hàn gắn mâu thuẫn, bảo đảm cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án sơ thẩm xử cho anh [N](#) được ly hôn chị [H](#) là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, hai bên đương sự không xuất trình thêm tình tiết gì mới, không thỏa thuận được với nhau nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin đoàn tụ vợ chồng của chị [H](#).

- Về yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung: Chị [H](#) yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu [Hoàng Anh T](#), sinh ngày 18/5/2010 cho chị [H](#) chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh [Hoàng N](#) cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, hiện nay cháu [Hoàng Anh T](#) đang sống với anh [N](#) và học tập tại [thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế](#). Cháu [Hoàng Anh T](#) có nguyện vọng muốn sống với anh [Hoàng N](#). Chị [H](#) hiện buôn bán tại [xã L, huyện P](#), do tính chất công việc nên thời gian chăm sóc con chung có bị hạn chế, chị [H](#) cũng thừa nhận tại phiên tòa việc chăm sóc con cái có hạn chế bởi công việc. Nhằm đảm bảo sự ổn định cho cháu [Hoàng Anh T](#) phát triển toàn diện thì cần giao cháu [Hoàng Anh T](#) cho anh [Hoàng N](#) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng quy định.

- Về yêu cầu đề nghị phân chia tài sản chung là nhà và đất của hai vợ chồng mà chị [H](#) trình bày tại đơn kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu phân chia tài sản chung của chị [H](#) tại phiên tòa là yêu cầu phản tố là không đúng quy định của pháp luật bởi vì theo Khoản 4 Điều 70, Khoản 2 Điều 71, Khoản 3 Điều 200, Khoản 2 Điều 210, Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên họp và sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Tòa án chỉ chấp nhận việc đương sự thay đổi yêu cầu khởi kiện nếu yêu cầu đó không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Điều 244 BLTTDS năm 2015 cũng quy định: “*Hội đồng xét chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu*”.

Quá trình giải quyết vụ án chị [H](#) không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, đến sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử mới yêu cầu chia tài sản chung là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận giải quyết yêu cầu của chị [H](#) về tài sản chung của vợ chồng trong cùng vụ án này là đúng quy định pháp luật, không có căn cứ để cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo về yêu cầu chia tài sản chung của chị [H](#). Chị [H](#) có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác, nếu có căn cứ.

Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị [Huỳnh Thị H](#), giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, các Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh [Hoàng N](#) được ly hôn với chị [Huỳnh Thị H](#).

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu [Hoàng Anh T](#), sinh ngày 18/5/2010 cho anh [Hoàng N](#) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu [Hoàng Anh T](#) trưởng thành đủ 18 tuổi, chị [Huỳnh Thị H](#) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị [Huỳnh Thị H](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định pháp luật; không ai được cản trở.

- Về án phí:

+ Anh [Hoàng N](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh [N](#) đã nộp đủ thể hiện tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004158 ngày 31 tháng 10 năm 2022 nay không phải nộp thêm.

+ Chị [Huỳnh Thị H](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, chị [H](#) đã nộp đủ thể hiện tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007033 ngày 28/3/2023 nay không phải nộp thêm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;

- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS, Tổ HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào Vi